

Số: /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quản lý hoạt động ngoại hối tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý hoạt động ngoại hối của thành viên Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các nội dung liên quan đến hoạt động ngoại hối của Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài và bên đi vay trong nước bao gồm:

1. Hoạt động sử dụng tài khoản bằng ngoại tệ của Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế (sau đây gọi là Thành viên), nhà đầu tư nước ngoài và bên đi vay trong nước để thực hiện các giao dịch liên quan đến sử dụng ngoại tệ; các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài; giao dịch liên quan đến hoạt động vay, cho vay.

2. Việc khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi liên quan đến khoản vay:

- a) Khai báo khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài của Thành viên;
- b) Khai báo, đăng ký khoản cho vay đối với cá nhân, tổ chức ở nước ngoài của Thành viên;
- c) Thủ tục khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi, báo cáo khoản vay từ Thành viên của bên đi vay trong nước.

3. Các giao dịch ngoại hối, đăng ký, đăng ký thay đổi liên quan đến giao dịch ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài của Thành viên.

4. Các hoạt động ngoại hối khác của Thành viên tại Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số....

2. Nhà đầu tư nước ngoài tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số....

3. Tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

4. Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

5. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động ngoại hối của Thành viên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Khoản vay từ Thành viên* là chỉ khoản vay của Bên đi vay trong nước vay từ Thành viên dưới hình thức vay bằng tiền.

2. *Khoản vay ngắn hạn* là khoản vay có thời hạn vay đến 01 năm.

3. *Khoản vay trung, dài hạn* là khoản vay có thời hạn vay trên 01 năm.

4. *Dự án đầu tư của bên đi vay trong nước* là các dự án được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các văn bản có nội dung ghi nhận tổng vốn đầu tư, cơ cấu vốn thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. *Thỏa thuận vay* là một hoặc tập hợp một số văn bản (bao gồm thỏa thuận dưới hình thức thông điệp dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử) ghi nhận thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho bên đi vay một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi (nếu có thỏa thuận về lãi).

6. *Cho vay ra nước ngoài* là việc Thành viên thực hiện nghiệp vụ cho vay đối với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài là người không cư trú (sau đây gọi là cho vay ra nước ngoài).

7. *Bên có nghĩa vụ* là bên có nghĩa vụ thực hiện các quy định về khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi và chế độ báo cáo quy định tại Thông tư này.

8. *Đăng ký giao dịch ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài* là việc Thành viên thực hiện đăng ký với cơ quan có thẩm quyền các thông tin về Thành viên, vốn đầu tư, tài khoản vốn mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Thành viên để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư này.

9. *Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài* là việc Thành viên thực hiện đăng ký thay đổi với cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này khi có phát sinh thay đổi liên quan đến Thành viên, vốn đầu tư, tài khoản vốn, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng tiền so với nội dung tại văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền.

10. *Xác nhận đăng ký* là việc cơ quan có thẩm quyền có văn bản xác nhận bên có nghĩa vụ đã thực hiện thủ tục đăng ký được quy định tại Thông tư này.

11. *Xác nhận đăng ký thay đổi* là việc cơ quan có thẩm quyền có văn bản xác nhận bên có nghĩa vụ đã thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi được quy định tại Thông tư này.

12. *Tỷ giá ngoại tệ* để xác định giá trị tương đương quy định tại Thông tư này là tỷ giá giữa các loại ngoại tệ được niêm yết trên trang <https://www.reuters.com/> hoặc <https://www.bloomberg.com/>.

13. *Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam nơi Thành viên, nhà đầu tư nước ngoài và bên đi vay trong nước mở tài khoản thanh toán để thực hiện hoạt động ngoại hối quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Nguyên tắc lập, gửi hồ sơ và trả kết quả thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi

1. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ:

a) Bên có nghĩa vụ gửi 01 (một) bộ hồ sơ để thực hiện các thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi theo quy định tại Thông tư này theo một trong ba cách thức sau:

a1) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Cơ quan có thẩm quyền;

a2) Gửi qua dịch vụ bưu chính tới Cơ quan có thẩm quyền;

a3) Nộp trực tuyến tại Hệ thống một cửa điện tử liên quan đến Trung tâm tài chính quốc tế do Cơ quan điều hành xây dựng và quản lý. Hồ sơ điện tử được sử

dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

b) Các tài liệu trong hồ sơ là bản gốc, bản chính hoặc bản sao có xác nhận của bên có nghĩa vụ về việc sao từ bản chính.

c) Bản dịch tiếng Việt của các tài liệu tiếng nước ngoài là bản dịch do bên có nghĩa vụ tự dịch hoặc thông qua một tổ chức cung cấp dịch vụ dịch thuật. Bên có nghĩa vụ xác nhận về tính chính xác của bản dịch tiếng Việt với nội dung bằng tiếng nước ngoài.

d) Trường hợp bên có nghĩa vụ đồng thời thực hiện nhiều thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này tại cùng một thời điểm hoặc thực hiện trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xử lý hồ sơ khác của bên có nghĩa vụ, bên có nghĩa vụ không cần nộp lại các thành phần hồ sơ có nội dung trùng nhau cho cơ quan đang xử lý thủ tục hành chính.

2. Trả kết quả:

Cơ quan có thẩm quyền trả kết quả xử lý thủ tục hành chính quy định tại Thông tư này qua trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Căn cứ xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi đối với giao dịch cho vay ra nước ngoài và giao dịch vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước và giao dịch đầu tư trực tiếp ra nước ngoài

1. Khi nhận được đề nghị đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch cho vay ra nước ngoài và giao dịch vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước, cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi trên các căn cứ sau:

a) Việc Thành viên tuân thủ các điều kiện cho vay đối với tổ chức ở nước ngoài hoặc Bên đi vay trong nước tuân thủ quy định về điều kiện vay tại Nghị định quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

b) Ý kiến của các tổ chức, cơ quan có liên quan.

2. Đối với giao dịch đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Thành viên

Khi nhận được đề nghị đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Thành viên, cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi trên các căn cứ sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên hoặc tài liệu chứng minh được công nhận làm Thành viên; Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

b) Ý kiến của các tổ chức, cơ quan có liên quan.

Điều 6. Quy định về thủ tục khai báo và công bố thông tin

1. Nguyên tắc khai báo:

a) Thời điểm thực hiện khai báo: Trong vòng 30 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch chuyển tiền hoặc nhận tiền.

b) Thông tin khai báo cơ bản gồm:

b1) Đối với khoản vay: Thời điểm ký Thỏa thuận vay, Bên cho vay, quốc gia bên cho vay, giá trị khoản vay, mục đích sử dụng vốn vay, lãi suất vay, kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ và thông tin ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

b2) Đối với khoản cho vay: Thời điểm ký Thỏa thuận vay, Bên đi vay, quốc gia bên đi vay, giá trị khoản vay, mục đích sử dụng vốn vay, lãi suất vay, kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ và thông tin ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

b3) Đối với các khoản đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tổng vốn đầu tư, quốc gia đầu tư, hình thức đầu tư, kế hoạch chuyển vốn và thông tin ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

b4) Đối với các khoản tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài là thành viên: Quy mô vốn/quy mô tài sản tại thời điểm khai báo, số dư vốn tự doanh ở nước ngoài, kế hoạch chuyển vốn tự doanh.

b5) Đối với các khoản nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài là thành viên: Quy mô vốn/quy mô tài sản ủy thác tại thời điểm khai báo, số dư vốn nhận ủy thác ở nước ngoài, kế hoạch chuyển vốn nhận ủy thác.

c) Sau khi khai báo thông tin, bên có nghĩa vụ phải lưu bản chụp màn hình đã khai báo để xuất trình cho ngân hàng thương mại nơi bên có nghĩa vụ mở tài khoản vốn khi thực hiện các giao dịch phải thực hiện thông qua tài khoản vốn theo quy định tại Nghị định quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

2. Cách thức khai báo

a) Việc khai báo của Thành viên được thực hiện thông qua Hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung của Trung tâm tài chính quốc tế.

b) Việc khai báo khoản vay của Bên đi vay trong nước được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin dữ liệu về hoạt động vay, trả nợ của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

c) Trường hợp chưa thiết lập Hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung của Trung tâm tài chính quốc tế hoặc Hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung của Trung tâm tài chính quốc tế gặp lỗi kỹ thuật, Thành viên gửi thông tin khai báo bằng văn bản hoặc Thư điện tử (Thư điện tử phải được gửi từ địa chỉ email chính thức đã đăng ký với Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính) đến Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Cách thức công bố thông tin tin đáp ứng điều kiện để thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của thành viên là ngân hàng thương mại:

a) Thời điểm thực hiện công bố thông tin: Trong vòng 30 ngày làm việc sau khi được cấp phép.

b) Các thông tin công bố bao gồm: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán thể hiện hoạt động kinh doanh có lãi; Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế tại thời điểm gần nhất, phương án đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Cơ quan có thẩm quyền

1. Ngân hàng Nhà nước trong thời gian 05 năm đầu tiên kể từ khi thành lập Trung tâm tài chính.

2. Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính kể từ năm thứ 06 trở đi.

3. Trong thời gian 05 năm đầu tiên kể từ khi thành lập Trung tâm tài chính, Ngân hàng Nhà nước phân cấp như sau:

a) Ngân hàng nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối) xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi đối với:

a1) Khoản cho vay của Thành viên có giá trị từ 30 triệu USD hoặc loại ngoại tệ tương đương trở lên.

a2) Khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước có giá trị từ 30 triệu USD hoặc loại ngoại tệ tương đương trở lên.

a3) Giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài đối với Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.

b) Ngân hàng nhà nước (Cục Quản lý giám sát tổ chức tín dụng) cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với Thành viên là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.

c) Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực nơi Thành viên đặt trụ sở chính thực hiện:

c1) Xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi đối với các khoản cho vay của Thành viên và các khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước không thuộc điểm a1, a2 khoản 3 Điều này.

c2) Xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài cho Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ.

4. Trường hợp phát sinh thay đổi dẫn đến thay đổi cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền ban đầu có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi của Thành viên;

b) Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi của Thành viên, chuyển toàn bộ bản gốc hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi và bản sao hồ sơ đăng ký, hồ sơ đăng ký thay đổi đã thực hiện (nếu có) cho cơ quan có thẩm quyền mới để tiếp tục xử lý theo thời hạn quy định tại Thông tư này đồng thời thông báo với Thành viên về việc chuyển hồ sơ đăng ký thay đổi của Thành viên cho cơ quan có thẩm quyền mới.

Điều 8. Nguyên tắc áp dụng pháp luật đối với Bên đi vay trong nước

Việc Bên đi vay trong nước thực hiện khoản vay từ Thành viên tương tự quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối trong các trường hợp sau:

1. Bên đi vay bị chia, tách, hợp nhất hoặc sáp nhập;
2. Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay đương nhiên hết hiệu lực;
3. Xử lý khoản vay khi hồ sơ có thông tin gian lận, tài liệu giả mạo;
4. Quy định về quản lý ngoại hối liên quan đến giao dịch bảo đảm khoản vay thực hiện;
5. Sao gửi văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay, văn bản chấm dứt hiệu lực văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay;
6. Theo dõi vay, trả nợ của bên đi vay là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ TÀI KHOẢN THANH TOÁN CỦA THÀNH VIÊN, NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ dùng cho mục đích đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài

1. Các giao dịch thu:
 - a) Thu ngoại tệ từ nước ngoài chuyển vào;
 - b) Thu tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư, dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài là Thành viên;
 - c) Thu từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, bán các sản phẩm đầu tư từ các sản phẩm đầu tư trên các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế; Thu từ nhận cổ tức, trái tức, lãi từ đầu tư trên các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế;
 - d) Các khoản thu hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong Trung tâm tài chính quốc tế.
2. Các giao dịch chi:

a) Chi chuyển tiền thực hiện hoạt động góp vốn thành lập, mua lại cổ phần, phần vốn góp của Thành viên hoặc tổ chức kinh tế trong Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Chi chuyển tiền thực hiện đầu tư trên các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Chi thanh toán các khoản phí, lệ phí, thuế, nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí liên quan đến các giao dịch góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của Thành viên và liên quan đến các giao dịch đầu tư trên các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Chi chuyển vốn, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp bằng ngoại tệ từ hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài tại Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài;

đ) Các khoản chi hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 10. Sử dụng tài khoản vốn của Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Nội dung thu

a) Thu tiền rút vốn khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài;

b) Thu chuyển đổi ngoại tệ từ nguồn rút vốn khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trong trường hợp đồng tiền giải ngân từ bên cho vay không phải là đồng tiền của tài khoản vốn;

c) Thu các khoản thu được phép từ giao dịch phái sinh liên quan đến khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài;

d) Thu lợi nhuận và các khoản thu nhập hợp pháp từ hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

e) Thu chuyển vốn đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ở nước ngoài, giảm vốn đầu tư, thanh lý hoặc chấm dứt hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài;

f) Thu ngoại tệ chuyển về nước từ việc bán công cụ đầu tư gián tiếp ở nước ngoài;

g) Thu cổ tức và các khoản thu hợp pháp khác liên quan đến hoạt động tự doanh, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

h) Thu tiền thu hồi nợ (gốc, lãi) khoản cho vay đối với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và khoản cho vay đối với bên đi vay trong nước.

i) Thu lãi được nhận tính trên số dư tài khoản theo quy định của pháp luật hiện hành.

j) Thu từ (các) tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên;

2. Nội dung chi

a) Chi chuyển tiền trả nợ (gốc, lãi) của khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, thanh toán các loại phí theo thỏa thuận vay, thanh toán khoản nhận nợ giữa Thành viên và bên bảo đảm là người không cư trú;

b) Chi chuyển sang tài khoản ngoại tệ của Thành viên mở tại nước ngoài để thực hiện các cam kết theo thỏa thuận vay;

c) Chi chuyển đổi ngoại tệ để trả nợ (gốc, lãi) của khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trong trường hợp đồng tiền trả nợ không phải là đồng tiền của tài khoản vốn;

d) Chi các khoản chi được phép theo giao dịch phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất liên quan đến khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

e) Chi giải ngân khoản cho vay ra nước ngoài và khoản cho vay đối với bên đi vay trong nước.

f) Chi ngoại tệ ra nước ngoài để mua công cụ đầu tư gián tiếp ở nước ngoài, thanh toán các chi phí phát sinh tại nước ngoài liên quan đến hoạt động tự doanh, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

g) Các khoản chi hợp pháp khác liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, hoạt động tự doanh, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

h) Chi chuyển sang (các) tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên;

i) Chi trả phí dịch vụ liên quan đến quản lý tài khoản và giao dịch chuyển tiền qua tài khoản theo quy định của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản.

Điều 11. Sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Nội dung thu:

a) Thu ngoại tệ từ nước ngoài chuyển vào không phải mục đích thực hiện các giao dịch vay, đầu tư;

b) Thu ngoại tệ từ việc cung ứng hoạt động, dịch vụ cho Thành viên khác;

c) Thu ngoại tệ thanh toán tiền xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ từ tài khoản của người không cư trú là tổ chức mở tại ngân hàng được phép trên lãnh thổ Việt Nam;

d) Nộp lại số ngoại tệ tiền mặt của tổ chức rút ra cho nhân viên đi công tác ở nước ngoài nhưng chi tiêu không hết tại ngân hàng được phép đã rút tiền.

đ) Thu ngoại tệ từ các nguồn thu hợp pháp trong nước, bao gồm:

(đ1) Thu từ việc mua ngoại tệ tại các ngân hàng được phép trên lãnh thổ Việt Nam không phải là thành viên;

(đ2) Thu ngoại tệ đối với các trường hợp được thu ngoại tệ trong nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

(đ3) Thu ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch nhận chi trả gốc và lãi tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ phù hợp với quy định pháp luật về tiền gửi có kỳ hạn.

2. Nội dung chi:

a) Chi bán ngoại tệ cho các ngân hàng được phép trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên;

b) Chi chuyển tiền, thanh toán cho các giao dịch với các Thành viên;

- c) Chi chuyển tiền, thanh toán cho các hoạt động, giao dịch với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài;
- d) Chi chuyển đổi ra các loại ngoại tệ khác tại Thành viên;
- e) Chi rút ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân làm việc cho tổ chức khi được cử ra nước ngoài công tác;
- f) Chi chuyển khoản hoặc rút ngoại tệ tiền mặt để trả lương, thưởng, phụ cấp cho người không cư trú, người cư trú là cá nhân nước ngoài;
- g) Chi cho các giao dịch hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

Điều 12. Sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tại ngân hàng trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên

Việc sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên là Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên phù hợp với các quy định tại Điều 67 Nghị định số...

Điều 13. Minh bạch dòng tiền

Thành viên và các bên liên quan khi thực hiện các giao dịch qua tài khoản vốn quy định tại Điều 6 Thông tư này có trách nhiệm ghi rõ tại lệnh chuyển tiền các thông tin cơ bản để làm cơ sở xác định giao dịch như sau:

1. Đối với giao dịch vay, cho vay:
 - a. Bên cho vay cần ghi rõ: “giải ngân khoản vay ngắn hạn/trung dài hạn; hợp đồng vay số...ngày...” theo ngôn ngữ của lệnh chuyển tiền;
 - b. Bên đi vay khi chuyển tiền trả nợ cần ghi rõ: “trả nợ gốc/lãi/phí khoản vay ngắn hạn/trung dài hạn; hợp đồng vay số...ngày...” theo ngôn ngữ của lệnh chuyển tiền.
2. Đối với giao dịch đầu tư:
 - a) Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán tài khoản nơi nhà đầu tư nước ngoài, thành viên mở tài khoản thanh toán phải yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài, thành viên ghi rõ mục đích chuyển tiền, hình thức đầu tư.
 - b) Nhà đầu tư nước ngoài, Thành viên cần ghi rõ mục đích chuyển tiền, hình thức đầu tư khi chuyển tiền liên quan đến các giao dịch từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế, từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài và từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam.

Điều 14. Tài khoản thanh toán của Bên đi vay trong nước để thực hiện khoản vay từ Thành viên

1. Bên đi vay trong nước được sử dụng tài khoản thanh toán để rút vốn, trả nợ khoản vay từ Thành viên.
2. Khi thực hiện giao dịch rút vốn, trả nợ khoản vay từ Thành viên, Bên đi vay trong nước và Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản có trách nhiệm tuân thủ quy định về minh bạch dòng tiền tại Điều 13 Thông tư này để có cơ

sở ghi nhận, báo cáo tình hình thực hiện khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước.

Chương III

QUY ĐỊNH KHAI BÁO KHOẢN VAY TỪ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI VÀ KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN

Điều 15. Các khoản vay và khoản cho vay ra nước ngoài thuộc đối tượng khai báo

1. Thành viên có trách nhiệm khai báo đối với khoản vay từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có giá trị từ 20.000 USD hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương trở lên.

2. Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ có trách nhiệm khai báo đối với khoản cho vay với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có giá trị từ 20.000 USD hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương trở lên.

3. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ có trách nhiệm khai báo đối với mọi khoản cho vay với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài không thuộc đối tượng phải đăng ký quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Chương IV

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN

Điều 16. Nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi của thành viên

1. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải đảm bảo đáp ứng điều kiện cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Nghị định số... và đăng ký trước khi thực hiện giải ngân các khoản cho vay ra nước ngoài, trừ các trường hợp sau:

a. Khoản cho vay của ngân hàng thương mại có thời hạn cho vay theo thoả thuận cho vay từ 365 ngày trở xuống hoặc giá trị cho vay không quá 5 triệu USD hoặc loại ngoại tệ tương đương;

b. Khoản cho vay của Thành viên không phải ngân hàng thương mại có thời hạn cho vay theo thoả thuận cho vay từ 365 ngày trở xuống và giá trị cho vay không quá 5 triệu USD hoặc loại ngoại tệ tương đương.

2. Trường hợp khoản cho vay ra nước ngoài không thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng trong quá trình thực hiện phát sinh các nội dung thay đổi tăng kim ngạch cho vay, kéo dài thời hạn cho vay dẫn tới thuộc

trường hợp phải đăng ký thì Thành viên phải thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định tại Thông tư này trước khi thực hiện nội dung thay đổi.

3. Trường hợp phát sinh nội dung thay đổi đối với các khoản cho vay ra nước ngoài đã được xác nhận đăng ký, Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải đăng ký thay đổi trước khi thực hiện đối với các thay đổi sau:

- a. Thay đổi tăng giá trị khoản cho vay;
- b. Thay đổi tăng thời hạn cho vay;
- c. Thay đổi bên đi vay, tên bên đi vay;
- d. Thay đổi bên cho vay, tên bên cho vay;
- e. Thay đổi ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản đối với tài khoản vốn.

Điều 17. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài

1. Bên cho vay gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Điều 16 Thông tư này tới cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận cho vay đối với khoản cho vay thuộc đối tượng phải đăng ký quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (có nêu rõ lý do) trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Điều 18. Hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài

1. Đơn đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Phương án cho vay ra nước ngoài được cấp có thẩm quyền của Thành viên phê duyệt, bao gồm các thông tin cơ bản sau:

a) Thông tin về khoản cho vay gồm: Bên đi vay, mục đích sử dụng vốn vay của bên đi vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay, kế hoạch giải ngân, thu hồi nợ gốc và lãi, nguồn vốn ngoại tệ cho vay, các biện pháp phòng ngừa rủi ro liên quan, khả năng thu hồi vốn gốc.

b) Việc đáp ứng điều kiện cho vay (kèm theo thông tin về tài liệu, chứng từ chứng minh và dẫn chiếu nội dung, điều khoản tại các tài liệu, chứng từ để làm rõ việc đáp ứng điều kiện cho vay) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

3. Thỏa thuận cho vay hoặc bản tóm tắt thông tin về thỏa thuận cho vay do bên cho vay tự chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin cung cấp,

gồm ngày ký thỏa thuận, trích dẫn các điều khoản quy định về thời hạn cho vay, mục đích cho vay, bên cho vay, kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ.

Điều 19. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài

1. Bên cho vay gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định tại Điều 18 Thông tư này tới cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi hoặc trước khi thực hiện nội dung thay đổi trong trường hợp nội dung thay đổi không có thỏa thuận thay đổi đối với khoản cho vay thuộc đối tượng phải đăng ký thay đổi quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài (có nêu rõ lý do) trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Điều 20. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay

1. Đơn đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Thỏa thuận thay đổi khoản cho vay hoặc bản tóm tắt thông tin về thỏa thuận thay đổi khoản cho vay do bên cho vay tự chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin cung cấp.

3. Báo cáo việc đáp ứng điều kiện cho vay (kèm theo thông tin về tài liệu, chứng từ chứng minh và dẫn chiếu nội dung, điều khoản tại các tài liệu, chứng từ để làm rõ việc đáp ứng điều kiện cho vay) theo quy định tại Nghị định quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam tại thời điểm thay đổi khoản cho vay.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ KHAI BÁO, BÁO CÁO, ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BÊN ĐI VAY TRONG NƯỚC

Điều 21. Các khoản vay thuộc đối tượng đăng ký, đăng ký thay đổi, khai báo khoản vay từ Thành viên

1. Các khoản vay thuộc đối tượng phải đăng ký gồm khoản vay trung dài hạn và khoản vay ngắn hạn chuyển trung dài hạn (có thỏa thuận gia hạn hoặc còn dư nợ gốc tại thời điểm 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, trừ trường hợp bên đi vay trả được toàn bộ nợ gốc trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ thời điểm tròn 01 năm tính từ ngày rút vốn đầu tiên) trong các trường hợp sau:

a) Khoản vay có giá trị vay trên 10 triệu Đô la Mỹ hoặc loại ngoại tệ tương đương đối với mục đích vay để thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và cơ cấu nợ.

b) Khoản vay có giá trị vay trên 20 triệu Đô la Mỹ hoặc loại ngoại tệ tương đương đối với mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư.

2. Các khoản vay của bên đi vay trong nước thuộc đối tượng phải khai báo gồm:

a) Khoản vay ngắn hạn có giá trị trên 1 triệu USD;

b) Khoản vay trung dài hạn có giá trị vay từ 5 triệu USD đến 10 triệu Đô la Mỹ hoặc loại ngoại tệ tương đương đối với mục đích vay để thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và cơ cấu nợ.

c) Khoản vay trung dài hạn có giá trị vay từ 5 triệu USD đến 20 triệu Đô la Mỹ hoặc loại ngoại tệ tương đương đối với mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư.

3. Bên đi vay trong nước phải đăng ký thay đổi đối với các khoản vay từ Thành viên trước khi thực hiện các nội dung thay đổi sau:

a) Tăng giá trị khoản vay.

b) Trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ khoản vay hoặc kéo dài thời hạn vay.

c) Mục đích vay

d) Kế hoạch rút vốn, trả nợ gốc của một hoặc nhiều kỳ rút vốn, trả nợ ngoài phạm vi của năm đã được xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi hiện tại.

e) Tên bên đi vay, tên bên cho vay.

f) Bên đi vay trong nước trong trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập

g) Bên cho vay hoặc đại diện các bên cho vay đã được ghi nhận tại văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi.

h) Tăng lãi suất vay.

Điều 22. Trình tự đăng ký khoản vay từ Thành viên

1. Bên đi vay nộp hồ sơ đăng ký khoản vay từ Thành viên tới Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 Thông tư này trong thời hạn:

a) 30 ngày làm việc kể từ ngày ký thỏa thuận vay trung, dài hạn;

b) 30 ngày làm việc kể từ ngày ký thỏa thuận gia hạn khoản vay ngắn hạn thành trung, dài hạn;

d) 60 ngày làm việc tính từ ngày tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên đối với khoản vay ngắn hạn được gia hạn thành trung dài hạn mà ngày ký thỏa thuận gia hạn sau 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên; hoặc khoản vay ngắn hạn không có thỏa thuận gia hạn nhưng còn dư nợ gốc tại thời điểm 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên.

2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký gửi Bên đi vay văn bản xác

nhận đăng ký khoản vay. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 23. Hồ sơ đăng ký khoản vay từ Thành viên

1. Đơn đăng ký khoản vay theo quy định (theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Báo cáo về việc đáp ứng điều kiện vay (kèm theo thông tin về tài liệu, chứng từ chứng minh và dẫn chiếu nội dung, điều khoản tại các tài liệu, chứng từ để làm rõ việc đáp ứng điều kiện cho vay) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

3. Bản sao hoặc bản chính Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các văn bản có nội dung ghi nhận tổng vốn đầu tư, cơ cấu vốn thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định khác của pháp luật có liên quan, áp dụng với trường hợp vay để thực hiện dự án đầu tư.

4. Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt thỏa thuận vay nước ngoài và thỏa thuận gia hạn khoản vay ngắn hạn thành trung, dài hạn (nếu có).

5. Báo cáo của Bên đi vay trong nước (kèm theo sao kê có thông tin giao dịch rút vốn, trả nợ gốc của tài khoản thực hiện khoản vay từ Thành viên) về tình hình rút vốn, trả nợ gốc đến thời điểm đăng ký khoản vay trong các trường hợp sau:

- a) Trường hợp vay để cơ cấu lại khoản nợ;
- b) Trường hợp khoản vay ngắn hạn chuyển trung dài hạn.

Điều 24. Trình tự đăng ký thay đổi khoản vay từ Thành viên

1. Bên đi vay trong nước gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay từ Thành viên theo quy định tại Điều 24 Thông tư này tới cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi hoặc trước khi thực hiện nội dung thay đổi trong trường hợp nội dung thay đổi không có thỏa thuận thay đổi đối với khoản vay thuộc đối tượng phải đăng ký thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký khoản vay từ thành viên (có nêu rõ lý do) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Điều 25. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản vay từ Thành viên

1. Đơn đăng ký thay đổi khoản vay.

2. Bản sao và bản dịch tiếng Việt các thỏa thuận thay đổi liên quan đến nội dung bên đi vay đăng ký thay đổi.

3. Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư này đối với trường hợp thay đổi tăng số tiền vay, thay đổi mục đích sử dụng khoản vay đối với phần tiền vay chưa thực hiện.

4. Báo cáo của Bên đi vay trong nước (kèm theo sao kê tài khoản mở tại tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản) về tình hình rút vốn, trả nợ (gốc, lãi) đến thời điểm đăng ký thay đổi khoản vay trong các trường hợp đăng ký thay đổi số tiền vay, kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ hoặc thay đổi ngân hàng thương mại cung ứng dịch vụ tài khoản.

Chương VI

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 100% VỐN TRONG NƯỚC

Điều 26. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước

1. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị (theo mẫu tại Phụ lục số ... ban hành kèm theo Thông tư này);
- b) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm liền kề trước năm nộp hồ sơ;
- c) Bản sao thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế tại thời điểm gần nhất theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế;
- d) Báo cáo về việc tuân thủ các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của năm liền kề năm nộp hồ sơ;
- đ) Quy định nội bộ về quản lý hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong đó có nội dung về cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, nhận dạng và quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- đ) Báo cáo về tình hình tuân thủ các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, hoạt động nhận ủy thác của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước của năm liền kề năm nộp hồ sơ;

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký:

- a) Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến Cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày

nhận được hồ sơ, Cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cho Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 27. Thu hồi/Chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước bị buộc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận đăng ký) trong trường hợp gian dối, giả mạo thông tin liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký.

2. Ngay sau khi nhận được ý kiến chính thức bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền về hành vi gian dối, giả mạo thông tin liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký, cơ quan có thẩm quyền có quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký.

3. Kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, Thành viên là Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký cho cơ quan có thẩm quyền;

b) Công bố thông tin trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ trên trang thông tin điện tử của mình về quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký;

c) Không tiếp tục chuyển tiền ra nước ngoài theo hạn mức đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký; không tiếp tục thực hiện các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; không gia hạn các khoản đầu tư đã thực hiện;

d) Không ký mới, gia hạn các hợp đồng ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư, đóng tài khoản nhận ủy thác, chuyển toàn bộ số dư tiền và công cụ đầu tư cho khách hàng ủy thác theo chỉ thị của khách hàng;

e) Thực hiện xử lý các khoản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo phương án đã được cấp có thẩm quyền thông qua;

f) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả xử lý trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực.

Chương VII

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI GIAO DỊCH NGOẠI HỐI LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN

Điều 28. Nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối và báo cáo của Thành viên

1. Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ không phải thực hiện đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, nhưng phải thực hiện chế độ báo cáo theo mẫu tại phụ lục số... ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải thực hiện:

a) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.

b) Đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trước khi thực hiện các nội dung thay đổi sau:

b1) Thay đổi Thành viên thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài; thay đổi tên Thành viên;

b2) Thay đổi tài khoản vốn bằng loại ngoại tệ khác, thay đổi nơi mở tài khoản vốn;

b3) Thay đổi liên quan đến tăng hoặc giảm vốn đầu tư bằng tiền của Thành viên (trừ trường hợp sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư dự án ở nước ngoài);

b4) Thay đổi tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền ra nước ngoài của Thành viên trong trường hợp số tiền chuyển ra nước ngoài trong kỳ nhiều hơn so với tiến độ đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, Thành viên quy định tại khoản 2 Điều này phải thực hiện thông báo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và tổ chức tín dụng được phép nơi Thành viên mở tài khoản vốn kèm tài liệu chứng minh khi phát sinh nội dung thay đổi sau đây:

b) Thay đổi tên dự án đầu tư ở nước ngoài;

c) Thay đổi về số tài khoản trừ trường hợp quy định tại tiết (ii) điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 29. Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài

1. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số ... ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Bản sao hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên hoặc tài liệu chứng minh được công nhận làm Thành viên.

c) Bản sao tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt văn bản chấp thuận hoặc cấp phép đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư cấp hoặc tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

d) Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về việc mở tài khoản vốn của Thành viên trong đó nêu rõ số tài khoản, loại ngoại tệ.

đ) Bản chính văn bản xác nhận của tổ chức tín dụng được phép về số tiền Thành viên đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp giấy phép để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài.

2. Trình tự thực hiện thủ tục thực hiện đăng ký giao dịch ngoại hối:

a) Thành viên gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều Thông tư này.

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản xác nhận đăng ký hoặc từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài gửi Thành viên. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, cơ quan có thẩm quyền có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 30. Hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài

1. Hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm:

a) Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (theo mẫu tại Phụ lục số ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Bản chính xác nhận của tổ chức tín dụng được phép nơi Thành viên đang mở tài khoản vốn về số dư trên tài khoản này; số tiền đã chuyển ra nước ngoài và số tiền đã chuyển về Việt Nam đến thời điểm phát sinh thay đổi.

c) Bản sao Giấy phép đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (áp dụng đối với các trường hợp thay đổi quy định tại tiết (ii), (iii) điểm b Khoản 1 Điều ... Thông tư này).

2. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi:

a) Thành viên gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký thay theo quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền.

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi cho Thành viên.

c) Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Thành viên, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Chương VIII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 31. Chế độ báo cáo đối với Thành viên

1. Thành viên có trách nhiệm báo cáo Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế trên hệ thống báo cáo tập trung theo mẫu quy định tại Phụ lục... Thông tư này về:

a) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài theo định kỳ hàng tuần kể từ khi phát sinh giao dịch chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài.

b) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài theo định kỳ hàng tháng kể từ khi phát sinh giao dịch chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài.

c) Tình hình thực hiện giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam theo định kỳ hàng tuần đối với hoạt động đầu tư gián tiếp; theo định kỳ hàng tháng đối với hoạt động đầu tư trực tiếp kể từ khi phát sinh giao dịch chuyển tiền đầu tư.

d) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động cho vay ra nước ngoài, vay nước ngoài theo định kỳ hàng tháng kể từ thời điểm phát sinh giao dịch chuyển tiền.

2. Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản là Thành viên có trách nhiệm báo cáo Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế trên hệ thống báo cáo tập trung theo mẫu quy định tại Phụ lục... Thông tư này về:

a) Tình hình thực hiện giao dịch chuyển tiền trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế, chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài và hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam của Thành viên theo định kỳ hàng tuần kể từ khi phát sinh giao dịch chuyển tiền.

b) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản vốn của Thành viên liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài theo định kỳ hàng tuần đối với hoạt động đầu tư gián tiếp; theo định kỳ hàng tháng đối với hoạt động đầu tư trực tiếp kể từ khi phát sinh giao dịch chuyển tiền.

c) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản vốn của Thành viên liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại

của Việt Nam theo định kỳ hàng tuần đối với hoạt động đầu tư gián tiếp; theo định kỳ hàng tháng đối với hoạt động đầu tư trực tiếp.

d) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản vốn của Thành viên liên quan đến các hoạt động cho vay ra nước ngoài, cho vay bên đi vay trong nước và vay nước ngoài của Thành viên theo định kỳ hàng tuần.

Điều 32. Chế độ báo cáo đối với Bên đi vay trong nước

Bên đi vay trong nước thực hiện chế độ báo cáo khoản vay từ Thành viên theo chế độ báo cáo trong trường hợp vay nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý vay trả nợ nước ngoài.

Điều 33. Cơ chế phối hợp thông tin của Cơ quan giám sát

Sau khi tiếp nhận thông tin báo cáo của các bên có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 31 Thông tư này, Cơ quan giám sát có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của số liệu, tổng hợp, đánh giá quy mô của dòng vốn vào Trung tâm tài chính quốc tế, dòng vốn từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài, dòng vốn từ Trung tâm tài chính quốc tế vào Việt Nam và gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý Ngoại hối và Vụ Dự báo thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính) theo định kỳ hàng tháng hoặc báo cáo đột xuất trong trường hợp cần thiết.

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 34. Trách nhiệm của nhà đầu tư nước ngoài

1. Tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ghi rõ mục đích chuyển tiền theo quy định tại Thông tư này tại các lệnh chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến đầu tư đầu tư từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế theo yêu cầu và hướng dẫn của ngân hàng được phép và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu, chứng từ đã xuất trình cho ngân hàng được phép.

Điều 35. Trách nhiệm của bên đi vay trong nước

1. Tuân thủ các quy định về quản lý vay, trả nợ tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan khi ký kết và thực hiện thỏa thuận vay từ Thành viên, thỏa thuận bảo đảm khoản vay.

2. Xuất trình chứng từ theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của ngân hàng cung ứng dịch vụ tại khoản khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản vay từ Thành viên.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp, khai báo, báo cáo; các thông tin, tài liệu cung cấp kèm theo hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay, các báo cáo gửi đến cơ quan có thẩm quyền; các thông tin cung cấp, các chứng từ xuất trình cho ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản vay từ Thành viên.

4. Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến các hoạt động ngoại hối theo quy định tại Thông tư này theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 36. Trách nhiệm của Thành viên

1. Tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến các hoạt động ngoại hối theo quy định tại Thông tư này theo yêu cầu của ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản, Cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu, chứng từ đã xuất trình.

Điều 37. Trách nhiệm của Ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản

1. Yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài, thành viên ghi rõ mục đích chuyển tiền tại lệnh chuyển tiền theo quy định tại Thông tư này; cung cấp các tài liệu, chứng từ liên quan đến các giao dịch chuyển tiền qua các tài khoản thanh toán của nhà đầu tư nước ngoài, thành viên.

2. Xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối cho nhà đầu tư nước ngoài, Thành viên được thực hiện đúng mục đích, tuân thủ quy định của pháp luật và tự chịu trách nhiệm đối với các giao dịch này.

3. Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Thực hiện việc cung ứng dịch vụ tài khoản cho các giao dịch liên quan đến khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước theo quy định tại Thông tư này trên cơ sở:

a) Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước (trong trường hợp khoản vay thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng ký thay đổi); hoặc bản chụp màn hình đã khai báo khoản vay (trong trường hợp khoản vay thuộc đối tượng khai báo);

b) Thỏa thuận vay, thỏa thuận thay đổi thỏa thuận vay và các thỏa thuận khác có liên quan đến khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước;

c) Báo cáo đáp ứng điều kiện vay áp dụng đối với các khoản vay không thuộc đối tượng đăng ký, đăng ký thay đổi (kèm theo thông tin về tài liệu, chứng từ chứng minh và dẫn chiếu nội dung, điều khoản tại các tài liệu, chứng từ để làm rõ việc đáp ứng điều kiện cho vay) theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về cấp

phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

d) Tài liệu chứng minh bên đi vay thực hiện nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro ngoại tệ áp dụng đối với khoản vay ngắn hạn;

đ) Hồ sơ, tài liệu khác theo quy định nội bộ của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản.

5. Thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu tính khớp đúng của các đề nghị chuyển tiền (rút vốn, trả nợ) với các tài liệu do bên đi vay và các bên liên quan xuất trình để đảm bảo các giao dịch chuyển tiền liên quan đến khoản vay phù hợp với văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi (trong trường hợp khoản vay phải đăng ký, đăng ký thay đổi), thỏa thuận vay và các thỏa thuận khác có liên quan.

6. Cung cấp thông tin chính xác về khoản vay của bên đi vay (bao gồm các nội dung số tiền đã rút vốn, trả nợ; thời gian rút vốn, trả nợ; thông tin tham chiếu thỏa thuận vay, bên cho vay) theo yêu cầu của bên đi vay trong nước hoặc khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 38. Trách nhiệm của Cơ quan có thẩm quyền

1. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư này.
2. Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác xây dựng, điều hành chính sách phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

Điều 40. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đà Nẵng, Cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

THÔNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, QLNH (05).